

Thanh hóa, ngày 12 tháng 12 năm 2025.

PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA

Hạng mục SCL: Kiến trúc các TBA Cơ Khí Sở Điện, Đài Phát Thanh, Đông Bắc Ga 1, Đông Bắc Ga 2, Chợ Đông Thọ, Đông Cương 6, Công ty Tàu Thủy, Cơ khí Sông Chu, Haracola, Xây lắp Công Nghiệp, Thành Đồng 1, Âu Thuyền 1, HTX Nam Ngạn, Đông Cương 8, Bình Minh 2, Mỏ Đolomit, Xi Măng 3/2, Đông Vinh 1 - Đội QLĐLKV Hạc Thành

1. Lý lịch:

- Tên gọi: Các TBA Cơ Khí Sở Điện, Đài Phát Thanh, Đông Bắc Ga 1, Đông Bắc Ga 2, Chợ Đông Thọ, Đông Cương 6, Công ty Tàu Thủy, Cơ khí Sông Chu, Haracola, Xây lắp Công Nghiệp, Thành Đồng 1, Âu Thuyền 1, HTX Nam Ngạn, Đông Cương 8, Bình Minh 2, Mỏ Đolomit, Xi Măng 3/2, Đông Vinh 1 - Đội QLĐLKV Hạc Thành

2. Tình trạng kỹ thuật hiện trạng:

2.1. Trạm biến áp Cơ Khí Sở Điện: Có diện tích đất xây dựng 32.5m² trong đó nhà tử 8.75m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường trạm, nhà tử lớp vữa trát bong rộp, rêu mốc.
- Cửa trạm, nhà tử rỉ mục không sử dụng được.

2.2. Trạm biến áp Đài Phát Thanh: Có diện tích đất xây dựng 18.4m² trong đó nhà tử 7.2m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường trạm, nhà tử lớp vữa trát bên ngoài bong rộp, rêu mốc.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.

2.3. Trạm biến áp Đông Bắc Ga 1: Có diện tích đất xây dựng 35.42m² trong đó nhà tử 13.15m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường trạm, nhà tử lớp vữa trát bên ngoài và chân tường phía trong bong rộp, rêu mốc.
- Cửa trạm, nhà tử: cửa gỗ bị mối mọt, hư hỏng.
- Nền trạm nền đất sụt lún.

2.4. Trạm biến áp Đông Bắc Ga 2: Có diện tích đất xây dựng 35.42m² trong đó nhà tử 13.15m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường trạm, nhà tử lớp vữa trát bên ngoài và chân tường phía trong bong rộp, rêu mốc.
- Cửa trạm, nhà tử: cửa gỗ bị mối mọt, hư hỏng.
- Nền trạm nền đất sụt lún.

2.5. Trạm biến áp Chợ Đông Thọ: Có diện tích đất xây dựng 20m² trong đó nhà tử 7.6m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường trạm, nhà tử lớp sơn bong tróc, rêu mốc.
- Cửa trạm, cửa nhà tử hoen rỉ, bong tróc sơn.
- Nền trạm nền đất sụt lún.

2.6. Trạm biến áp Đông Cương 6: Có diện tích đất xây dựng 47.5 m² trong đó nhà tử 5.25m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tử nứt nghiêng, bong rộp .
- Cửa trạm, cửa nhà tử rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.7. Trạm biến áp Công ty Tàu Thủy: Có diện tích đất xây dựng 73.1m² trong đó nhà tử 6.25m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào lớp trát bong rộp, rêu mốc.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, cây cỏ xâm lấn nghiêm trọng.

2.8. Trạm biến áp Cơ Khí Sông Chu: Có diện tích đất xây dựng 34.5m² trong đó nhà tử 5.3m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tử nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.9. Trạm biến áp Haracola: Có diện tích đất xây dựng 35.4m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào lớp trát bong tróc, rêu mốc.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.10. Trạm biến áp Xây lắp Công Nghiệp: Có diện tích đất xây dựng 44m² trong đó nhà tử 6.5m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tử nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tử rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.11. Trạm biến áp Thành Đồng 1: Có diện tích đất xây dựng 33m² trong đó nhà tử 8.7m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tử tường sơn rêu mốc xuống cấp.
- Cửa trạm, cửa nhà tử lớp sơn bong tróc.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.12. Trạm biến áp Âu Thuyền 1: Có diện tích đất xây dựng 43m² trong đó nhà tử 5.75m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tử nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tử rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được. Cửa trạm mất 1 cánh.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.13. Trạm biến áp HTX Nam Ngạn: Có diện tích đất xây dựng 37.6m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.14. Trạm biến áp Đông Cường 8: Có diện tích đất xây dựng 42.6m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào bị đổ, 1 phần móng bị lún
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.15. Trạm biến áp Bình Minh 2: Có diện tích đất xây dựng 23.5m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường nhà lớp sơn bong tróc, rêu mốc.
- Cửa trạm hỏng bản lề, lớp sơn bong tróc.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

2.16. Trạm biến áp Mỏ Đolomit: Có diện tích đất xây dựng 19.6m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường trạm lớp sơn bong tróc, rêu mốc.
- Cửa trạm lớp sơn bong tróc.

2.17. Trạm biến áp Đông Vinh 1: Có diện tích đất xây dựng 40.3m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ.

3. Phương án xử lý:

Để đảm bảo an toàn sử dụng và vận hành, TBA cần được sửa chữa như sau :

3.1. Trạm biến áp Cơ Khí Sở Điện:

- Tường trạm: Đục, trát, sơn lại toàn bộ tường, trần trạm 1 nước lót 2 nước phủ. Thay cửa trạm bằng cửa thép bọc tôn.

- Nhà tủ: Đục, trát, sơn lại tường nhà tủ 1 nước lót 2 nước phủ. Thay cửa đi nhà tủ. Xây bộ tủ điện. Đổ bê tông nền nhà tủ đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.

- Xây bịt lỗ thoáng khí.
- Xây bậc tam cấp lên trạm.
- Bổ sung khóa TBA và nhà tủ.

3.2. Trạm biến áp Đài Phát Thanh:

- Tường trạm: Đục, trát, sơn lại tường 1 nước lót 2 nước phủ. Thay cửa trạm bằng cửa thép bọc tôn.

- Nhà tủ: Đục, trát, sơn lại tường nhà tủ 1 nước lót 2 nước phủ. Xây bộ tủ điện.
- Xây bịt lỗ thoáng khí chỉ giữ lại 1 ô thoáng bên trên mỗi phòng.
- Lắp lưới chống chim chuột.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Bổ sung khóa TBA và nhà tủ.

3.3. Trạm biến áp Đông Bắc Ga 1:

- Tường trạm: Đục, trát, sơn lại toàn bộ tường bên ngoài trạm và 1m chân tường phía trong. Thay cửa trạm bằng cửa thép bọc tôn.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Đổ bộ bê tông máy biến áp. Xây bộ tủ điện.

- Bịt ô thoáng phía dưới, lắp 6 ô lưới chống chim chuột.
- Bỏ sung khóa TBA và nhà tử.

3.4. Trạm biến áp Đông Bắc Ga 2:

- Tường trạm: Đục, trát, và 1m chân tường phía trong sơn lại tường 1 nước lót 2 nước phủ. Thay cửa trạm bằng cửa thép bọc tôn.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tử bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Đổ bê tông máy biến áp. Xây bệ tủ điện.
- Bịt ô thoáng phía dưới, lắp 6 ô lưới chống chim chuột.
- Bỏ sung khóa TBA và nhà tử.
- Vệ sinh, dọn sạch cây cỏ trên mái.

3.5. Trạm biến áp Chợ Đông Thọ:

- Tường trạm: Sơn lại toàn bộ tường trạm 1 nước lót 2 nước phủ. Sơn lại cửa trạm.
- Nhà tử: Sơn lại tường 1 nước lót 2 nước phủ, cửa trạm. Xây bệ tủ điện.
- Lắp mới 2 bóng đèn.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tử bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Đổ bê tông máy biến áp.
- Bỏ sung khóa TBA và nhà tử.

3.6. Trạm biến áp Đông Cường 6:

- Tường rào: Phá 3 mặt tường rào xây lại. Mặt tường rào sát nhà dân đục trát, sơn 1 nước lót 2 nước phủ. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.
- Nhà tử: Phá dỡ toàn bộ nhà tử xây lại, sơn 1 nước lót 2 nước phủ. Lắp cửa đi nhà tử bằng thép V50 bịt tôn. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tử bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 50cm (trong đó 40cm đá mặt, 10cm bê tông)
- Đổ bê tông máy biến áp.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bỏ sung khóa cổng TBA và nhà tử.

3.7. Trạm biến áp Công ty Tàu Thủy:

- Tường rào: Đục, trát, sơn 1 nước lót 2 nước phủ. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.
- Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tử bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Bỏ sung cục kê máy biến áp.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bỏ sung khóa cổng TBA và nhà tử.
- Chặt cây, dọn sạch mặt bằng.

3.8. Trạm biến áp Cơ Khí Sông Chu:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại, sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ, Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.
- Nhà tử: Phá dỡ toàn bộ nhà tử xây nhà tử, sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ.

- Xây bộ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 30cm (trong đó 20cm đá mặt, 10cm bê tông)
- Đổ bộ bê tông máy biến áp.
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.9. Trạm biến áp Haracola:

- Tường rào: Đục, trát 3 mặt tường rào, 1 mặt tường nhà dân không đục, trát. sơn lại 4 mặt trong và mặt ngoài cổng tường rào. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Xây bộ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Đổ bộ bê tông máy biến áp.
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.10. Trạm biến áp Xây lắp Công Nghiệp:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại, sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại, sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ. Lắp mới cửa đi nhà tủ. Xây bộ tủ điện.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 20cm (trong đó 10 cm đá mặt, 10cm bê tông)
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.11. Trạm biến áp Thành Đồng 1:

- Tường rào: Sơn lại toàn bộ tường rào 1 nước lót 2 nước phủ, cửa cổng trạm.

- Nhà tủ: sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ, sơn cửa nhà tủ.

- Xây bộ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Đổ bê tông đường vào trạm diện tích 7m²
- Tôn nền trạm 25 cm (trong đó 15 cm đá mặt, 10 cm bê tông)
- Đổ bộ bê tông máy biến áp.
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.12. Trạm biến áp Âu Thuyền 1:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ, xây lại. thay cửa nhà tủ. Xây bộ tủ điện

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 60cm (trong đó 50 cm đá mặt, 10cm bê tông)

- Đổ bê tông máy biến áp.
- Xây bao bê tông máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.13. Trạm biến áp HTX Nam Ngạn:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại, sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ.
Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 80 cm (trong đó 70 cm đá mặt, 10 cm bê tông)
- Đổ bê tông máy biến áp.
- Xây bao bê tông máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA.

3.14. Trạm biến áp Đông Cương 8:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại, sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 25 cm (trong đó 15 cm đá mặt, 10 cm bê tông)
- Đổ bê tông máy biến áp.
- Xây bao bê tông máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.15. Trạm biến áp Bình Minh 2:

- Sơn lại toàn bộ trạm, sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ.
- Xây bệ tủ điện.
- Thay bản lề, sơn lại cửa trạm.
- Lắp lưới mắt cáo ở quạt gió trên cửa trạm. lắp lưới chống chim, chuột ở các ô thoáng.
- Đổ bê tông nền nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Bổ sung khóa nhà tủ.

3.16. Trạm biến áp Mỏ Đolomit:

- Sơn lại toàn bộ trạm sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ.
- Sơn lại cửa trạm.
- Lắp lưới chống chim chuột vào 11 lỗ thoáng.

3.17. Trạm biến áp Đông Vinh 1:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại, sơn tường 1 nước lót 2 nước phủ.
Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Đổ cục kê bê tông máy biến áp.
- Xây bao bê tông máy biến áp.

- Bổ sung khóa cổng TBA.

4. Khối lượng sửa chữa:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	TRẠM BIẾN ÁP THÀNH ĐỒNG 1		
	Sửa chữa bộ máy biến áp, bộ tủ điện:		
1	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đồ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3	0,1500
2	Gia công, lắp đặt cốt thép cục kê	tấn	0,0177
3	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn cục kê	100m2	0,0150
4	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,2681
5	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	4,5564
6	Lắp đặt cục kê	cái	2,0000
7	Đổ đá 1x2 vào chân bộ máy biến áp	m3	0,1180
8	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
	Sửa chữa nhà tử, tường rào:		
9	Tháo dỡ cửa bằng thủ công để đánh rỉ, sơn lại	m2	4,3200
10	Cắt tường đục để nâng cao lanh tô cửa	m	2,0000
11	Đục mở tường làm cửa, loại tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m2	0,3350
12	Bê tông lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,0242
13	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, lanh tô	100m2	0,0026
14	Gia công, lắp đặt cốt thép lanh tô	tấn	0,0023
15	Lắp các loại CKBT đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng ≤75kg	1 cấu kiện	1,0000
16	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	10,5188
17	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	124,9144
18	Phá dỡ lớp lán vữa xi măng lán mái	m2	10,1500
19	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại lên xe	m3	3,4941
20	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	3,4941
21	Vận chuyển phế thải tiếp 6km bằng ô tô - 7,0T	m3	3,4941
22	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	10,5188
23	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	103,1044
24	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	22,4040
25	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	9,9420
26	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	4,0000
27	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,0297
28	Đắp đá mặt tôn nền công trình bằng thủ công	m3	0,6863
29	Ván khuôn nền	m2	0,0900
30	Rải nilong cách ly	100m2	0,0458
31	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4774
32	Lán nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	8,7000

33	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	117,9116
34	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	28,0576
35	Đánh rỉ, vệ sinh cửa sắt	m2	6,1200
36	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	6,1200
37	Lắp dựng lại cửa khung sắt	m2	4,3200
38	Khóa treo	cái	2,0000
	Sửa sân trạm, đường vào trạm:		
39	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,0462
40	Đắp đá mặt tôn nền	m3	4,2712
41	Ván khuôn nền	m2	1,1800
42	Lót nền sân bằng Nilong	m2	34,7747
43	Bê tông nền, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,5084
	TRẠM BIẾN ÁP BÌNH MINH 2		
	Sửa chữa nhà tù:		
44	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m2	60,8886
45	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	155,3960
46	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	120,6300
47	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	95,6546
48	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	9,4600
49	Cạo rỉ, vệ sinh cửa sắt	m2	20,3040
50	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	20,3040
51	Lắp dựng lại cửa khung sắt	m2	9,4600
52	Cắt bỏ bản lề cũ	m	1,0000
53	Lắp bộ bản lề cửa đi	1 bộ	20,0000
54	Khóa treo	cái	2,0000
55	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m2	0,9020
56	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,2032
57	Lắp đặt lưới mắt cáo quạt hút gió	m2	0,2826
58	Lưới thép chống côn trùng	m2	1,2000
59	Ván khuôn nền	m2	0,4400
60	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	2,1000
	TRẠM BIẾN ÁP ẬU THUYỀN 1		
	Tháo dỡ nhà tù, tường rào:		
61	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	3,2700
62	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	1,9680
63	Phá dỡ xà, dầm, giằng bê tông bằng thủ công	m3	0,4981
64	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	13,1294
	Sửa chữa nhà tù:		
65	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	2,0212
66	Bê tông xà dầm, giằng, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,9962
67	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0906

68	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0306
69	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,1904
70	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	1,3120
71	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	tấn	0,1567
72	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m ²	0,1209
73	Đắp đá mặt tôn nền	m ³	3,3048
74	Lót nền bằng Nilong	m ²	6,6096
75	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,6545
76	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	5,1612
77	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,0308
78	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0005
79	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} > 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0033
80	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m ²	0,0050
81	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m ²	12,0900
82	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	5,7480
83	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	31,7756
84	Trát tường trong, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	20,6460
85	Trát cạnh cửa, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	1,0120
86	Láng mái tạo dốc có đánh màu, dày tb 3cm, vữa XM M100, PCB40	m ²	11,5624
87	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	30,3556
88	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	39,6960
89	Gia công cửa sắt	tấn	0,0625
90	Mạ kẽm nhúng nóng cửa sắt	kg	62,5000
91	Khóa treo	cái	1,0000
92	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	1,8000
	Sửa chữa bộ máy biến áp, bộ tủ:		
93	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m ³	0,3000
94	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	tấn	0,0221
95	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chớp	100m ²	0,0260
96	Lắp dựng cục kê	cái	2,0000

97	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250\text{cm}$, M100, đá 4x6, PCB30	m3	0,1226
98	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,5937
99	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	4,6584
100	Đổ đá 1x2 vào chân bộ máy biến áp	m3	0,1220
101	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
102	Lắp đặt lại tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 - Nhóm 2)	công	2,0000
	Sửa chữa tường rào:		
103	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M100, XM PCB40	m3	4,4708
104	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,3961
105	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1272
106	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0261
107	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,1607
108	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,3191
109	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	67,9792
110	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	10,3043
111	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,4290
112	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	43,4400
113	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	86,3189
114	Gia công công sắt	tấn	0,0828
115	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	m2	82,8000
116	Khóa treo	cái	1,0000
117	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
	Sửa chữa sân trạm:		
118	Đắp đá mặt tôn nền	m3	2,1251
119	Lót nền sân bằng Nilong	m2	37,9036
120	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,5442
	TRẠM BIẾN ÁP HTX NAM NGẠN		
	Tháo dỡ tường rào:		
121	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	2,7750
122	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m3	7,5441
	Sửa chữa bộ máy biến áp:		
123	Di chuyển, che chắn tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 nhóm 2)	công	2,0000
124	Bê tông cục kê, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,4800
125	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	tấn	0,0391

126	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp	100m ²	0,0416
127	Lắp dựng cục kê	cái	2,0000
128	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB40	m ³	0,1310
129	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,7618
130	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	4,8624
131	Đổ đá 1x2 vào bộ máy biến áp	m ³	0,1220
132	Lắp đặt lại tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 - Nhóm 2)	công	2,0000
133	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7 - Nhóm 1	công	2,0000
	Sửa chữa tường rào:		
134	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m ³	6,6829
135	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	1,5994
136	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,1454
137	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0279
138	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1607
139	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	8,1045
140	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	89,1586
141	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	12,0940
142	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	5,4290
143	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	33,9200
144	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	108,7168
145	Gia công công sắt	tấn	0,0828
146	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
147	Khóa treo	cái	1,0000
148	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	2,5600
	Sửa chữa sân trạm:		
149	Đắp đá mặt tôn nền	m ³	16,0484
150	Lót nền sân bằng nỉ long	m ²	33,7036
151	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	3,3704
	TRẠM BIẾN ÁP ĐÔNG CƯƠNG 6		
	Sửa chữa bộ máy biến áp, bộ tủ:		
152	Di chuyển, che chắn tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 nhóm 2)	công	2,0000
153	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m ³	0,3000

154	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn	tấn	0,0221
155	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp	100m ²	0,0260
156	Lắp dựng cục kê	cái	2,0000
157	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m ³	0,1226
158	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m ³	0,5294
159	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	4,8624
160	Đổ đá 1x2 vào bộ máy biến áp	m ³	0,1220
161	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7 - Nhóm 1	công	2,0000
	Tháo dỡ nhà tù, tường rào:		
162	Tháo dỡ, di chuyển, che chắn tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 nhóm 2)	công	2,0000
163	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m ²	2,9250
164	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m ³	1,2390
165	Phá dỡ xà, dầm, giằng bê tông bằng thủ công	m ³	0,4521
166	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m ³	7,2191
	Xây sửa lại nhà tù:		
167	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m ³	1,0658
168	Bê tông xà dầm, giằng, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,7234
169	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,0658
170	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0187
171	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1149
172	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,8260
173	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ØK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,1290
174	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m ²	0,0760
175	Đắp đá mặt tôn nền	m ³	1,3869
176	Lót nền bằng Nilong	m ²	3,3616
177	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,3362
178	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	3,6438
179	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,0308
180	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ØK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0005
181	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ØK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0033
182	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m ²	0,0050
183	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m ²	7,6000
184	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	4,1980

185	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	25,3026
186	Trát tường trong, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	13,9810
187	Trát cạnh cửa, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	1,0120
188	Láng mái tạo dốc có đánh màu, dày tb 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	7,0434
189	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	19,8226
190	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	31,3610
191	Gia công cửa sắt	tân	0,0625
192	Mạ kẽm nhúng nóng cửa sắt	kg	63,0000
193	Khóa treo	cái	1,0000
194	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,8000
	Xây sửa lại tường rào:		
195	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	2,6259
196	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,9433
197	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0826
198	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tân	0,0191
199	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tân	0,1113
200	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,8243
201	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	20,9549
202	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	62,5389
203	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,8386
204	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	9,2570
205	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	28,9200
206	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	80,3697
207	Gia công cổng sắt	tân	0,0828
208	Mạ kẽm nhúng nóng cổng sắt	kg	83,0000
209	Khóa treo	cái	1,0000
210	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
211	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m2	0,5033
	Sửa sân trạm:		
212	Đắp đá mặt tôn nền sân trạm	m3	4,4583
213	Lót mặt sân bằng ni long	m2	34,2073
214	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,6708
	TỔNG NHÓM: TRẠM BIẾN ÁP ĐÔNG CƯƠNG 6		
	TRẠM BIẾN ÁP CƠ KHÍ SÔNG CHU		

	Tháo dỡ nhà tử:		
215	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	5,2600
216	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,9518
217	Phá dỡ xà, dầm, giằng bê tông bằng thủ công	m3	0,3710
218	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m3	3,6760
	Sửa chữa bộ máy biến áp, bộ tủ điện:		
219	Di chuyển, che chắn tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 nhóm 2)	công	2,0000
220	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3	0,3000
221	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn	tán	0,0221
222	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp	100m2	0,0260
223	Lắp dựng cục kê	cái	2,0000
224	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250\text{cm}$, M100, đá 4x6, PCB30	m3	0,1226
225	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,4652
226	Trát tường ngoài gạch không nung bằng vữa thông thường - Chiều dày 2cm, vữa XM M100, XM PCB40	m2	4,6584
227	Đổ đá 1x2 vào bộ máy biến áp	m3	0,1220
228	Lắp đặt lại tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 - Nhóm 2)	công	2,0000
229	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7 - Nhóm 1	công	2,0000
	Sửa chữa tường rào:		
230	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,4508
231	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,1822
232	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0166
233	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tán	0,0039
234	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tán	0,0216
235	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,8053
236	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	0,8280
237	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	59,1848
238	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	73,7826
239	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	3,3407
240	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	22,6000
241	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	79,3833
242	Gia công công sắt	tán	0,0569
243	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	56,9000

244	Khóa treo	cái	1,0000
245	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
	Sửa chữa sân trạm:		
246	Đắp đá mặt tôn nền	m3	6,3715
247	Lót nền sân bằng Ni long	m2	31,8576
248	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,1858
	TRẠM BIẾN ÁP CÔNG TY TÀU THUY		
	Sửa chữa tường rào:		
249	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	6,4000
250	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 22 cm	m3	5,7760
251	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	68,7468
252	Bốc xếp các loại phế thải lên xe	m3	9,8704
253	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	9,8704
254	Vận chuyển phế thải tiếp 6km bằng ô tô - 7,0T	m3	9,8704
255	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, chiều cao ≤ 6 m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,5350
256	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0486
257	Lắp dựng cột thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	0,0116
258	Lắp dựng cột thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	0,0634
259	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,5478
260	Làm lớp hồ dầu bám dính tường cũ	m2	68,7468
261	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	117,6300
262	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	56,5600
263	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	123,2860
264	Gia công công sắt	tấn	0,1767
265	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	176,7000
266	Khóa treo	cái	1,0000
267	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	6,4000
	Sửa chữa bộ máy biến áp, bộ tủ:		
268	Di chuyển, che chắn tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 nhóm 2)	công	2,0000
269	Bê tông cục kê, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,1800
270	Gia công, lắp đặt cột thép tám đơn, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn	tấn	0,0177
271	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đơn, tám chóp	100m2	0,0156
272	Lắp dựng cục kê	cái	2,0000
273	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,2681
274	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	4,5564
275	Đổ đá 1x2 vào bộ máy biến áp	m3	0,1080

276	Làm vách cne chắn MBA để thi công, nhân công 3/7 - Nhóm 1	công	2,0000
	Sửa chữa sân trạm:		
277	Ván khuôn nền	m2	0,4000
278	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	7,1540
	TRẠM BIẾN ÁP HARACOLA		
	Sửa chữa tường rào:		
279	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	2,2400
280	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	50,3284
281	Bốc xếp các loại phế thải lên xe	m3	1,4595
282	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,4595
283	Vận chuyển phế thải tiếp 6km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,4595
284	Trát lại tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	50,3284
285	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	15,6000
286	Sơn dầu, trần, tường ngoài nhà không bảo bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	65,9284
287	Gia công cổng sắt	tấn	0,0784
288	Mạ kẽm nhúng nóng cổng sắt	kg	78,4000
289	Khóa treo	cái	1,0000
290	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,2400
	Sửa chữa bộ máy biến áp, tủ điện:		
291	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,1285
292	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8104
293	Đổ đá 1x2 vào chân bộ máy biến áp	m3	0,1520
294	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
	Sửa chữa sân trạm:		
295	Ván khuôn nền	m2	0,1400
296	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,1206
	TRẠM BIẾN ÁP XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP		
	Tháo dỡ nhà tủ, tường rào:		
297	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	3,2400
298	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,8222
299	Phá dỡ xà, dầm, giằng bê tông bằng thủ công	m3	0,3760
300	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	14,2000
301	Bốc xếp các loại phế thải lên xe	m3	22,3274
302	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	22,3274
303	Vận chuyển phế thải tiếp 6km bằng ô tô - 7,0T	m3	22,3274
304	Di chuyển, che chắn tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 nhóm 2)	công	2,0000
	Sửa chữa nhà tủ:		
305	Bê tông xà dầm, giằng nhà, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,6618
306	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0602

307	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0172
308	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,1060
309	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,7290
310	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	tấn	0,1077
311	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m2	0,0672
312	Đắp đá mặt tôn nền	m3	0,2756
313	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,2756
314	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	3,1774
315	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,0308
316	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0005
317	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} > 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0033
318	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,0050
319	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	6,7200
320	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	4,6880
321	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	19,4024
322	Trát tường trong, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	12,8080
323	Trát cạnh cửa, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	1,0120
324	Láng mái tạo dốc có đánh màu, dày tb 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	6,1504
325	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	17,9036
326	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	25,0468
327	Gia công cửa sắt	tấn	0,0625
328	Mạ kẽm nhúng nóng cửa sắt	m2	62,5000
329	Khóa treo	cái	1,0000
330	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,8000
	Sửa chữa bộ máy biến áp:		
331	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,4807
332	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	7,0264
333	Đổ đá 1x2 vào chân bộ máy biến áp	m3	0,2440
334	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
	Sửa chữa tường rào:		
335	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,4437
336	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1329

337	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0289
338	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,1669
339	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,2973
340	Trát tường rào, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	68,4588
341	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	18,0308
342	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,4290
343	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	44,0800
344	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	94,5634
345	Gia công công sắt	tấn	0,0828
346	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
347	Khóa treo	cái	1,0000
348	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
	Sửa chữa sân trạm:		
349	Đắp đá mặt tôn nền	m3	3,3952
350	Lót nền sân bằng ni lông	m2	33,9516
351	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,3952
	TRẠM BIẾN ÁP ĐỒNG CƯƠNG 8		
	Sửa chữa bộ tủ điện:		
352	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,1440
353	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,6800
	Sửa chữa tường rào:		
354	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,6491
355	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0324
356	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,1930
357	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1499
358	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	8,1771
359	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	12,3880
360	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	43,4924
361	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,3330
362	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	48,3600
363	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	64,1150
364	Gia công công sắt	tấn	0,0828
365	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000

366	Khóa treo	cái	2,0000
367	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
	Sửa sân trạm:		
368	Đắp đá mặt tôn nền trạm	m3	3,7586
369	Lót nền bằng ni long	m2	37,5300
370	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,7586
	TRẠM BIẾN ÁP ĐÔNG VINH 1		
	Tháo dỡ nhà tủ, tường rào:		
371	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	2,5600
372	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 22 cm	m3	7,0859
373	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	10,2746
374	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	10,2746
375	Vận chuyển phế thải tiếp 6km bằng ô tô - 7,0T	m3	10,2746
	Sửa chữa bộ máy:		
376	Bê tông cục kê, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,1500
377	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn	tấn	0,0177
378	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp	100m2	0,0150
379	Lắp dựng cục kê	cái	2,0000
380	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,4121
381	Trát tường ngoài gạch không nung bằng vữa thông thường - Chiều dày 2cm, vữa XM M100, XM PCB40	m2	5,7564
382	Đổ đá 1x2 vào bộ máy biến áp	m3	0,1080
383	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7 - Nhóm 1	công	2,0000
	Sửa chữa tường rào:		
384	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤ 6 m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,5004
385	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1364
386	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	0,0310
387	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	0,1732
388	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,6365
389	Trát tường rào, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	64,5000
390	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,5460
391	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,3330
392	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, PCB40	m	45,8000
393	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	88,1270
394	Gia công công sắt	tấn	0,0828
395	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000

396	Lắp dựng công sắt	m2	2,5600
397	Khóa treo	cái	1,0000
	Sửa chữa sân trạm:		
398	Lót nền sân bằng ni long	m2	37,7396
399	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,7740
	TRẠM BIẾN ÁP MỎ ĐÓLÔMIT		
400	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m2	31,6360
401	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	155,2060
402	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	107,9268
403	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	78,9152
404	Lưới thép chống côn trùng	m2	10,8900
405	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	11,4400
406	Cạo ri các kết cấu thép	m2	12,1760
407	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	12,1760
408	Lắp dựng lại cửa khung sắt	m2	11,4400
409	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m2	0,7488
410	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,1673
	TRẠM BIẾN ÁP CHỢ ĐÔNG THỌ		
	Sửa chữa nhà trạm, nhà tù:		
411	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m2	24,1592
412	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	128,6640
413	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	88,3240
414	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	64,4992
415	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	6,2400
416	Cạo ri các kết cấu thép	m2	13,2640
417	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	13,2640
418	Lắp dựng lại cửa	m2	6,2400
419	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m2	0,6256
420	Ván khuôn nền	m2	0,2600
421	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,6552
	Sửa chữa tủ điện:		
422	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công (nhân công bậc 4,0/7 - Nhóm 2)	công	2,0000
423	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,1440
424	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,6800
425	Lắp đặt công tắc 1 hạt	cái	2,0000
426	Lắp đặt dây đơn ≤ 2,5mm ² (2x1,5mm)	m	15,0000
427	Lắp đặt hộp nối, phân dây, công tắc, cầu chì, automat, KT ≤225cm ²	hộp	2,0000

428	Lắp đặt ống nhựa chìm bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 15\text{mm}$	m	15,0000
429	Lắp đặt đèn ống dài 1,2m, hộp đèn 1 bóng	bộ	2,0000
TRẠM BIẾN ÁP ĐÔNG BẮC GA 1			
Sửa chữa nhà trạm:			
430	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m ²	10,5120
431	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m ²	128,9324
432	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m ²	23,4800
433	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m ³	4,4199
434	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m ³	4,4199
435	Vận chuyển phế thải tiếp 6km bằng ô tô - 7,0T	m ³	4,4199
436	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,2756
437	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	23,4800
438	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	35,4000
439	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	97,1488
440	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	32,2828
441	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	120,6288
442	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m ²	25,0520
443	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m ²	119,3080
444	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	176,6428
445	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16\text{m}$	100m ²	1,0032
446	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao $> 3,6\text{m}$ - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m ²	0,2675
447	Gia công cửa sắt	tấn	0,3681
448	Mạ kẽm nhúng nóng cửa sắt	kg	368,0000
449	Khoá treo Việt Tiệp	cái	3,0000
450	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	10,5120
451	Lưới thép chống côn trùng	m ²	2,5056
Sửa chữa bộ máy biến áp:			
452	Di chuyển, che chắn tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 nhóm 2)	công	2,0000
453	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đồ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m ³	0,1500
454	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn	tấn	0,0177
455	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp	100m ²	0,0150
456	Lắp dựng cục kê	cái	2,0000
457	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
458	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M100, XM PCB40	m ³	0,2880
459	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	2,8800

TRẠM BIẾN ÁP ĐÔNG BẮC GA 2			
	Sửa chữa nhà trạm:		
460	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	10,5120
461	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	128,9324
462	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	23,4800
463	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	4,4199
464	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	4,4199
465	Vận chuyển phế thải tiếp 6km bằng ô tô - 7,0T	m3	4,4199
466	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,2756
467	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	23,4800
468	Trát gờ chỉ, vữa XM M75, XM PCB40	m	35,4000
469	Trát lại tường ngoài - Chiều dày 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB40	m2	97,1488
470	Trát lại tường trong - Chiều dày 1,5cm, vữa XM M75, XM PCB40	m2	32,2828
471	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	120,6288
472	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m2	25,0520
473	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	118,0552
474	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	175,3900
475	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m2	1,0032
476	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,2675
477	Gia công cửa sắt	tấn	0,3681
478	Mạ kẽm nhúng nóng cửa sắt	kg	368,1000
479	Khoá treo Việt Tiệp	cái	3,0000
480	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	10,5120
481	Lưới thép chống côn trùng	m2	2,5056
	Sửa chữa bộ máy biến áp:		
482	Di chuyển, che chắn tủ điện (nhân công bậc 4,0/7 nhóm 2)	công	2,0000
483	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3	0,1500
484	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	tấn	0,0177
485	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chớp	100m2	0,0150
486	Lắp dựng cục kê	cái	2,0000
487	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
488	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,2880
489	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M100, XM PCB40	m2	2,8800
	TRẠM BIẾN ÁP ĐÀI PHÁT THANH		
	Sửa chữa nhà trạm:		

490	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	18,4200
491	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	77,0200
492	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại lên xe	m3	2,7678
493	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	2,7678
494	Vận chuyển phế thải tiếp 6km bằng ô tô - 7,0T	m3	2,7678
495	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	2,9568
496	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	18,4200
497	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	27,8000
498	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	90,4600
499	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	13,4400
500	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m2	15,9800
501	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	79,0556
502	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	108,8800
503	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	108,4756
504	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m2	0,8096
505	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,1598
506	Ván khuôn nền	m2	0,2600
507	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,5980
508	Gia công cửa sắt	tấn	0,1286
509	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	128,6000
510	Khoá treo Việt Tiệp	cái	2,0000
511	Cạo ri các kết cấu thép	m2	5,0720
512	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	5,0720
513	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	6,2400
514	Lưới thép chống côn trùng	m2	2,2400
515	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
	Sửa bộ tủ điện:		
516	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,1440
517	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M100, XM PCB40	m2	1,6800
	TRẠM BIẾN ÁP CƠ KHÍ SỞ ĐIỆN		
	Sửa vữa trát tường, trần:		
518	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
519	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	34,8670
520	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ ngoài nhà	m2	87,8760
521	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ trong nhà	m2	83,4390
522	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại lên xe	m3	5,9793
523	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	5,9793
524	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	5,9793
525	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,3168

526	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	34,8670
527	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	89,3160
528	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	79,8960
529	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	2,6950
530	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	33,3700
531	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	95,9160
532	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	110,8580
533	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m2	0,7511
534	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao >3,6m - Chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,1602
535	Ván khuôn nền	m2	0,2600
536	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,6592
	Sửa cửa:		
537	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	6,2400
538	Gia công cửa sắt	tấn	0,2309
539	Mạ kẽm nhúng nóng cửa sắt	kg	230,9000
540	Khoá treo Việt Tiệp	cái	2,0000
541	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	6,3600
	Sửa bộ tủ điện:		
542	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công (nhân công bậc 4,0/7 - Nhóm 1)	công	1,0000
543	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M100, XM PCB40	m3	0,1440
544	Trát tường trong - Chiều dày 1,5cm, vữa XM M100, XM PCB40	m2	1,6800

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA
PHÒNG KỸ THUẬT
PHÓ PHÒNG **NGƯỜI LẬP**



Phạm Quang Đăng



Mai Hồng Hiệp